

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

BÙI NGỌC HIÊN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngành : Quản trị kinh doanh

Mã số : 9.34.01.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1: GS.TS. ĐINH VĂN TIẾN

2: TS. NGUYỄN TUẤN ANH

HÀ NỘI – 2025

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu

Trong khuôn khổ của nền kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đóng một vai trò không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế của các quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Đối với nhiều quốc gia đang phát triển, DNNVV không chỉ là một nguồn tạo ra tỷ lệ đáng kể GDP mà còn là nguồn cung cấp việc làm chính cho dân số. Hơn nữa, những doanh nghiệp (DN) này thường xuyên đóng vai trò là nguồn cảm hứng cho đổi mới sáng tạo và là lực lượng chủ chốt trong việc đa dạng hoá nền kinh tế. Tuy nhiên, những đóng góp quan trọng này chỉ có thể được tối đa hoá thông qua sự hỗ trợ của các chính sách quản lý Nhà nước được thiết kế và thực thi một cách phù hợp. Sự cần thiết của việc xây dựng và triển khai các chính sách này không thể được đánh giá quá cao, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế nơi mà các thách thức và cơ hội mới đang liên tục phát sinh. Những chính sách này cần được nghiên cứu và phát triển trên một nền tảng lý thuyết vững chắc, kết hợp với sự hiểu biết sâu rộng về các mô hình quản lý Nhà nước hiện hành và khả năng thích ứng linh hoạt với các thách thức và thay đổi của thời đại.

Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM), đầu tàu kinh tế của Việt Nam, đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc của các DNNVV, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì động lực tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và tạo việc làm. Hiện nay, TP. HCM có 564.650 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 11.463.041 tỷ đồng trong năm 2023, TP có 52.108 DN thành lập mới với số vốn đăng lý là 470.332 tỷ đồng, tăng 17,4% về số lượng, giảm 0,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ, TP đã giải quyết việc làm cho 315.797/300.000 lượt người, đạt 105,3% kế hoạch năm, trong đó tạo việc làm mới là 141.476/140.000 lượt lao động, đạt 101,05% kế hoạch năm, những DNNVV này không chỉ đóng góp vào GDP của Thành phố mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội thông qua việc tạo ra hàng loạt cơ hội việc làm, từ đó giúp cải thiện đời sống và tăng cường sự ổn định xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp không thể phủ nhận, DNNVV tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực tài chính, công nghệ và quản lý. Các vấn đề như khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, thiếu hụt công nghệ tiên tiến, và yếu kém trong quản trị doanh nghiệp đang ngày càng trở nên rõ rệt, gây cản trở đáng kể đến khả năng phát triển và cạnh tranh của các DNNVV trên thị trường quốc tế và trong nước.

Ngoài ra, sự phức tạp của các thủ tục hành chính và sự thiếu hợp lý trong một số chính sách hiện hành cũng là những rào cản lớn đối với sự phát triển của DNNVV. Điều này đòi hỏi một sự chuyển biến mạnh mẽ trong cách thức quản lý Nhà nước, với các chính sách hỗ trợ được thiết kế một cách khoa học và hiệu quả hơn, hướng tới việc giảm thiểu gánh nặng hành chính và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các DNNVV.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu cơ sở lý luận, trình bày thực trạng và đề xuất các phương hướng và giải pháp mới cho quản lý Nhà nước đối với DNNVV tại Thành phố Hồ Chí Minh là cấp thiết và cần thiết. Mục tiêu là tạo dựng một môi trường kinh doanh minh bạch, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển và cạnh tranh của các doanh nghiệp. Điều này không chỉ giúp các DNNVV tận dụng tốt các cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế, mà còn hỗ trợ bền vững cho sự phát triển kinh tế dài hạn của Thành phố, góp phần vào sự thịnh vượng chung của quốc gia và củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việc nghiên cứu và phát triển các giải pháp quản lý Nhà nước hiệu quả sẽ không chỉ giải quyết các thách thức hiện tại mà còn đặt nền móng vững chắc cho tương lai, đảm bảo rằng DNNVV có thể phát triển mạnh mẽ và bền vững trong môi trường kinh doanh toàn cầu này càng cạnh tranh.

Từ những lý do đó, nghiên cứu về vai trò quản lý Nhà nước đối với DNNVV tại TP. HCM không chỉ là cần thiết mà còn là cấp bách. Việc nghiên cứu này có thể giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DNNVV và đề xuất các chiến lược và chính sách phù hợp để cải thiện môi trường kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DNNVV Thành phố phát

triển. Với những lý do này, Tác giả chọn đề tài: “***Quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh***” làm Luận án Tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Đề tài nghiên cứu cả lý luận và thực tiễn, đồng thời xem xét đánh giá hạn chế nguyên nhân hạn chế đưa ra giải pháp phù hợp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- + Sưu tầm các nghiên cứu trong nước, nước ngoài, tổng hợp các kết quả nghiên cứu, tìm hiểu “Khoảng trống nghiên cứu” và xác định “Đánh giá nghiên cứu”.

- + Hệ thống hoá cơ sở lý luận xác định các tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến quản lý Nhà nước đối với DNNVV.

- + Trình bày thực trạng và đánh giá thực trạng về quản lý Nhà nước đối với DNNVV tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- + Nghiên cứu pháp lý đề xuất giải pháp quản lý Nhà nước đối với DNNVV tại TP. Hồ Chí Minh.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Một là, nghiên cứu hệ thống hoá cơ sở lý luận về nội dung quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm những nội dung gì? Tiêu chí nào được dùng để đánh giá hiệu quả quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn cấp tỉnh?

Hai là, thực trạng quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh diễn biến như thế nào trong giai đoạn 2019 – 2023? Xem xét những gì về kết quả đạt được, hạn chế trong công tác này và những nguyên nhân của hạn chế? Những nhân tố nào ảnh hưởng đến kết quả quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh, sự hài lòng của các DNNVV đối với các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh?

Ba là, một số giải pháp có tính khả thi nào để triển khai một cách hiệu quả

nhằm hoàn thiện quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh là gì? Nội dung kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện hiệu quả một số giải pháp như thế nào?

4. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Trình bày cơ sở lý luận về hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cấp tỉnh.
- Phân tích thực trạng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản lý Nhà nước để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Vấn đề quản lý Nhà nước đối với các DNNVV tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Nghiên cứu cơ sở lý luận, trình bày thực trạng, đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp phù hợp

Phạm vi về không gian: Tại TP TP.HCM.

Phạm vi về thời gian: Đề tài nghiên cứu trong giai đoạn 2019-2023 với tầm nhìn đến năm 2035

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp định tính

Phương pháp nghiên cứu tập trung vào việc thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu không có tính chất số lượng một cách sâu sắc.

Đề xuất sử dụng phương pháp bảng hỏi để thu thập ý kiến, quan điểm và kinh nghiệm của các DNNVV cũng như các quản lý chính sách và chuyên gia trong lĩnh vực.

Tiến hành phân tích nội dung của các bảng hỏi và các tài liệu phản ánh, tập trung vào việc tìm hiểu các quan điểm, thái độ và cảm nhận về quản lý nhà nước đối với DNNVV.

6.2. Phương pháp định lượng

Phương pháp này tập trung vào việc thu thập và phân tích dữ liệu để đưa ra các kết luận và khẳng định từ phân tích thống kê.

Đề xuất sử dụng phương pháp điều tra khảo sát trực tuyến hoặc trên điện thoại để thu thập dữ liệu từ một mẫu rộng lớn các DNNVV tại TP.HCM.

Áp dụng phương pháp phân tích thống kê để xác định mối quan hệ và sự khác biệt giữa các yếu tố quản lý nhà nước và hiệu suất của DNNV.

7. Đóng góp mới của luận án

7.1. Về lý luận:

Tác giả đề xuất khái niệm về quản lý Nhà nước và DNNVV dựa trên các quan điểm khác nhau và mức độ phát triển kinh tế, văn hóa kinh doanh, và hệ thống chính trị.

Phát triển cơ sở lý luận và giải thích rõ mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và hiệu suất của DNNVV, từ đó cung cấp cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về tác động của các chính sách và biện pháp quản lý Nhà nước.

7.2. Về thực tiễn:

Phân tích và đánh giá các chính sách và biện pháp quản lý Nhà nước hiện tại đối với DNNVV tại TP.HCM, từ đó đề xuất các cải tiến và điều chỉnh cần thiết.

Đề xuất ra các phương pháp khác để thực thi các chính sách và biện pháp quản lý nhà nước một cách hiệu quả hơn, bao gồm cả việc tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án có cấu trúc 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các nghiên cứu về quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2. Cơ sở lý luận về quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn cấp tỉnh.

Chương 3. Thực trạng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và

vừa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 4. Phương hướng và giải pháp nâng cao quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Nghiên cứu quốc tế về quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1. Lý thuyết và mô hình chung

Trong lĩnh vực quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), nhiều lý thuyết và mô hình đã được phát triển nhằm giải thích vai trò của chính sách công trong việc hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của khu vực này. Các nghiên cứu trong lĩnh vực này thường tập trung vào ba hướng chính: Lý thuyết tổ chức, lý thuyết tăng trưởng kinh tế và lý thuyết hệ sinh thái doanh nghiệp. Các lý thuyết này cung cấp nền tảng quan trọng để phân tích và đề xuất các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với DNNVV, đảm bảo doanh nghiệp có thể phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

1.1.2. Nghiên cứu điển hình

Trong lĩnh vực quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), nhiều quốc gia đã triển khai các chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Các nghiên cứu điển hình trên thế giới cung cấp cái nhìn sâu sắc về hiệu quả của các chính sách này, giúp rút ra những bài học có thể áp dụng trong bối cảnh Việt Nam.

1.2. Nghiên cứu trong nước về quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1. Những nghiên cứu về cách thức quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

- *Những nghiên cứu về quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp đã xuất bản:*

Trong cuốn “Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp” do tác giả Vũ Huy Từ chủ biên đã hệ thống doanh nghiệp, vai trò, chức năng quản lý nhà nước đối

với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, những nội dung cơ bản quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và những đặc điểm, nội dung chủ yếu quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

1.2.2. Những nghiên cứu về chính sách hiện hành của Việt Nam đối với quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3. Tổng hợp kết quả các nghiên cứu

1.3.1. Kết quả rút ra từ nước ngoài

Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về các lợi ích và nhu cầu của phát triển bền vững. Giáo dục cho các chủ doanh nghiệp và nhân viên về cách thức quản lý và vận hành doanh nghiệp theo hướng bền vững là rất quan trọng. Bằng cách áp dụng các bài học từ Thụy Điển và Đan Mạch, Việt Nam có thể tạo ra một môi trường kinh doanh thân thiện hơn với môi trường, đồng thời giúp các SMEs phát triển mạnh mẽ và bền vững, đảm bảo cạnh tranh trong kinh tế toàn cầu..

1.3.2. Kết quả rút ra từ trong nước

Đà Nẵng được biết đến là một trong những thành phố có môi trường kinh doanh thuận lợi nhất tại Việt Nam. Thành phố này đã chú trọng đầu tư vào cơ sở hạ tầng hiện đại và áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và mở rộng [71]. Đà Nẵng đã thực hiện nhiều cải cách nhằm giảm thiểu thủ tục hành chính, từ đó giảm bớt gánh nặng và thời gian cần thiết cho các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu tư và hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, thành phố cũng tập trung vào việc nâng cao kỹ năng cho DNNVV thông qua các chương trình đào tạo và phát triển, điều này không chỉ giúp các doanh nghiệp tăng cường năng lực quản lý mà còn cải thiện khả năng cạnh tranh trên thị trường.

1.3.3. Khoảng trống nghiên cứu

Nghiên cứu trong nước về quản lý nhà nước đối với DNNVV tại Việt Nam đã tập trung vào việc phân tích các chính sách hiện hành và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh cho các DNNVV. Các nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, sự hỗ trợ của nhà nước trong các lĩnh vực như tài chính,

đào tạo, và cải cách thủ tục hành chính là rất quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của DN NVV. Cụ thể, các chương trình tài trợ, giảm thuế, và cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh đã giúp các DN NVV tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn lực cần thiết để phát triển và mở rộng.

1.4. Định hướng nghiên cứu của Luận án

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, đã phân tích loạt các nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan đến cách thức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các nghiên cứu đã phát triển nhiều lý thuyết và mô hình để hướng dẫn và giải thích cách các chính sách công có thể ảnh hưởng và hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các mô hình này thường tập trung vào các yếu tố như tài chính, đổi mới, quy định và môi trường kinh doanh, cho thấy sự hỗ trợ của nhà nước có thể tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Từ các nghiên cứu điển hình, chúng ta thấy rằng sự hỗ trợ tài chính, cải thiện quản trị và tăng cường kỹ năng cho lãnh đạo được đánh giá cao trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển và tạo việc làm. Tuy nhiên, các mô hình này cũng cho thấy sự phụ thuộc mạnh vào bối cảnh kinh tế và chính trị cụ thể của từng quốc gia, dẫn đến một số hạn chế như khả năng áp dụng không rộng rãi và sự thiên vị trong tập trung vào một số lĩnh vực nhất định.

Bên cạnh đó, các khoảng trống nghiên cứu hiện nay bao gồm thiếu các nghiên cứu sâu rộng về tác động dài hạn của các chính sách, thiếu kết nối giữa lý thuyết và thực tiễn, và thiếu đánh giá toàn diện về sự hiệu quả của các chương trình hỗ trợ tài chính và công nghệ từ nhà nước. Điều này cần được khắc phục để đảm bảo rằng các chính sách hỗ trợ có thể được điều chỉnh và cải tiến phù hợp với từng bối cảnh cụ thể, hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

2.1. Khái niệm và đặc trưng doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.1.1. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trên thế giới, DNNVV (SMEs - Small and Medium Enterprises) được định nghĩa là các tổ chức có quy mô vừa và nhỏ dựa trên số lượng nhân viên, tổng doanh thu hoặc tài sản. Các tiêu chí cụ thể cho việc phân loại này có thể thay đổi tùy thuộc vào mỗi quốc gia. Thông thường, doanh nghiệp vừa có từ 50 đến 250 nhân viên, trong khi doanh nghiệp nhỏ có từ 10 đến 49 nhân viên [106].

2.1.2. Đặc trưng của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quy mô nhân sự hạn chế: Đặc trưng cơ bản nhất của SMEs là số lượng nhân viên ít hơn so với các tập đoàn lớn. Điều này giúp SMEs linh hoạt hơn trong việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và nhanh chóng thích ứng với thay đổi của thị trường.

2.2. Nội dung quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.2.1. Khái niệm quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là quá trình Nhà nước thực hiện các chính sách, biện pháp và công cụ để hỗ trợ, điều chỉnh và giám sát hoạt động của các doanh nghiệp này. Mục tiêu chính là đảm bảo sự phát triển bền vững, hiệu quả và tuân thủ pháp luật. Nhà nước ban hành các chính sách hỗ trợ như ưu đãi thuế, tín dụng, đào tạo nhân lực và tiếp cận thị trường, đồng thời tạo môi trường kinh doanh thuận lợi bằng cách giảm bớt rào cản hành chính và thủ tục pháp lý [2; 9].

2.2.2. Nội dung quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.2.3. Mục tiêu quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thúc đẩy sự phát triển kinh tế: Quản lý Nhà nước nhằm hỗ trợ sự phát triển của SMEs thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư, đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường. Điều này giúp tăng trưởng GDP, tạo việc làm và đóng góp vào sự ổn định kinh tế của đất nước. Quản lý Nhà nước đối với DNNVV đóng một vai trò trọng yếu trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế tổng thể của đất nước. Mục tiêu chính của quản lý nhà nước là hỗ trợ sự phát triển của DNNVV thông qua việc triển khai các chính sách khuyến khích đầu tư, đổi mới sáng tạo, và mở rộng thị trường. Các hoạt động này không chỉ nhằm mục đích tăng trưởng GDP mà còn tạo việc làm và đóng góp vào sự ổn định kinh tế của đất nước [64].

2.3. Những tiêu chí đánh giá quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.3.1. Mức độ tiếp cận nguồn lực tài chính và công nghệ thông tin

Trong bối cảnh nghiên cứu và đánh giá quản lý Nhà nước đối với DNNVV, một trong những tiêu chí quan trọng là mức độ truy cập tới nguồn lực, bao gồm cả tài chính và công nghệ thông tin. Điều này không chỉ phản ánh khả năng của chính phủ trong việc hỗ trợ DNNVV mà còn chỉ ra mức độ hiệu quả của các chính sách đang được triển khai.

2.3.2. Mức độ ảnh hưởng của chính sách

2.3.3. Môi trường kinh doanh

Trong bối cảnh đánh giá hiệu quả quản lý Nhà nước đối với DNNVV, môi trường kinh doanh là một tiêu chí cơ bản cần được xem xét kỹ lưỡng để hiểu rõ mức độ hỗ trợ và thách thức mà SMEs phải đối mặt. Đánh giá này tập trung vào hai khía cạnh chính là thủ tục hành chính và sự cạnh tranh trong thị trường.

2.3.4. Kết quả kinh doanh

Đánh giá kết quả kinh doanh của DNNVV là một yếu tố quan trọng trong việc xác định hiệu quả của các chính sách và môi trường kinh doanh mà chính phủ đã thiết lập. Các tiêu chí như tăng trưởng và sinh lợi, cũng như sáng tạo và năng lực cạnh tranh, là những chỉ số cơ bản để đánh giá sự thành công của DNNVV trong nền kinh tế.

2.3.5. Sự hài lòng của doanh nghiệp

Trong bối cảnh đánh giá hiệu quả quản lý Nhà nước đối với DNNVV, sự hài lòng của doanh nghiệp đóng một vai trò thiết yếu. Đo lường mức độ hài lòng của chủ doanh nghiệp không chỉ cung cấp thông tin quan trọng về tác động của các chính sách và dịch vụ hỗ trợ mà còn phản ánh sự thích ứng và phản hồi của nhà nước đối với nhu cầu thực tế của cộng đồng doanh nghiệp. Hai khía cạnh chính cần được xem xét là đo lường mức độ hài lòng của chủ doanh nghiệp và phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp về sự hỗ trợ của Nhà nước.

2.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.4.1. Môi trường kinh tế vĩ mô

Các nhân tố vĩ mô kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và điều chỉnh quản lý nhà nước đối với DNNVV. Hai yếu tố chính trong môi trường kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tới SMEs là tăng trưởng kinh tế và các điều kiện tài chính như lãi suất và lạm phát [82]. Cả hai yếu tố này có tác động đáng kể tới cơ hội kinh doanh và chi phí hoạt động của các DNNVV.

2.4.2. Chính sách

Trong khuôn khổ đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý Nhà nước đối với DNNVV, chính sách hỗ trợ của Nhà nước và mức độ đầu tư vào cơ sở hạ tầng và công nghệ đóng vai trò then chốt. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát triển và cạnh tranh của các DNNVV mà còn ảnh hưởng đến khả năng thích ứng và đổi mới của chúng.

2.4.3. Môi trường pháp lý và thể chế

Môi trường pháp lý và thể chế tạo nền tảng quan trọng cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt là đối với DNNVV. Việc đánh giá và hiểu biết sâu sắc về môi trường pháp lý và thể chế là thiết yếu để đảm bảo rằng DNNVV có thể hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

2.4.4. Nhân tố xã hội và văn hóa

Các yếu tố xã hội và văn hóa đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển của DNNVV. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến cách

thức mà các doanh nghiệp được thành lập, hoạt động và phát triển. Hai khía cạnh chính cần được xem xét là văn hóa kinh doanh và khởi nghiệp cùng với mạng lưới và hợp tác xã hội.

2.4.5. Nhân tố kỹ thuật và công nghệ

Các yếu tố kỹ thuật và công nghệ đóng vai trò thiết yếu trong việc hình thành và phát triển DNNVV. Khả năng tiếp cận và áp dụng công nghệ mới cũng như các vấn đề liên quan đến bảo mật và rủi ro công nghệ là những yếu tố quan trọng cần được xem xét kỹ lưỡng để đảm bảo sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp này.

2.4.6. Tác động của toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa là một hiện tượng không thể tránh khỏi ảnh hưởng sâu rộng đến các SMEs trên khắp thế giới. Sự mở rộng thị trường quốc tế và các quy định thương mại quốc tế là hai yếu tố chính tạo ra cả cơ hội và thách thức cho DNNVV trong bối cảnh toàn cầu hóa.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này trình bày cơ sở lý luận về quản lý Nhà nước đối với DNNVV. Đầu tiên, chương đề cập đến khái niệm và các đặc trưng chính của DNNVV, cung cấp cái nhìn sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của chúng trong nền kinh tế.

Tiếp theo, giải thích khái niệm quản lý Nhà nước đối với DNNVV, bao gồm 03 nội dung của quản lý Nhà nước đối với DNNVV. Phần này cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết của một cơ chế quản lý phù hợp để thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của DNNVV.

Cuối cùng, làm rõ cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với DNNVV được thảo luận thông qua các tiêu chí như mức độ truy cập tới nguồn lực, ảnh hưởng của chính sách, môi trường kinh doanh, kết quả kinh doanh và sự hài lòng của doanh nghiệp. Xem xét xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước, bao gồm môi trường kinh tế vĩ mô, chính sách, môi trường pháp lý và thể

chế, yếu tố xã hội và văn hóa, kỹ thuật và công nghệ, và tác động của toàn cầu hóa.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Khái quát chung về Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất Việt Nam về quy mô dân số và là trung tâm kinh tế, giải trí, một trong hai trung tâm văn hóa và giáo dục quan trọng tại Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương thuộc loại đô thị đặc biệt của Việt Nam. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, thành phố này hiện có 16 quận, 1 thành phố và 5 huyện, tổng diện tích 2.095 km². Nhờ điều kiện tự nhiên, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành 1 đầu mối giao thông của Việt Nam và Đông Nam Á, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Vào năm 2019, thành phố đón khoảng 8,6 triệu khách du lịch quốc tế. Các lĩnh vực giáo dục, truyền thông, thể thao, giải trí, Thành phố Hồ Chí Minh đều giữ vị thế hàng đầu.

3.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

Theo kết quả điều tra dân số sơ bộ vào năm 2021 thì dân số thành phố là 9.166.800 người (chiếm 9,3% dân số Việt Nam), mật độ dân số trung bình 4.375 người/km² (cao nhất cả nước). Tuy nhiên, nếu tính những người cư trú không đăng ký hộ khẩu thì dân số thực tế của thành phố này năm 2018 là gần 14 triệu người.

3.2. Thực trạng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Về biến động số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, doanh nghiệp nhỏ và vừa

(DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều thay đổi đáng kể về số lượng, phản ánh tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô, chính sách quản lý nhà nước và đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Sự biến động này không chỉ cho thấy mức độ thích nghi của doanh nghiệp với môi trường kinh doanh, mà còn là thước đo về hiệu quả của các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và chính quyền địa phương.

3.2.2. Về biến động lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, số lượng lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua nhiều biến động đáng kể, phản ánh những tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô, chính sách lao động và đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Sự thay đổi này không chỉ phản ánh khả năng thích ứng của các doanh nghiệp mà còn thể hiện mức độ ảnh hưởng của các chính sách hỗ trợ lao động trong thời gian qua.

3.2.3. Về thu nhập bình quân của lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, thu nhập bình quân của lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều biến động đáng kể, phản ánh tác động của môi trường kinh tế, các chính sách lao động và đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19. Sự thay đổi trong mức thu nhập này không chỉ thể hiện khả năng duy trì hoạt động của các doanh nghiệp mà còn phản ánh mức độ hỗ trợ từ chính quyền đối với người lao động trong bối cảnh kinh tế nhiều thách thức.

3.2.4. Về biến động nguồn vốn doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều biến động đáng kể, phản ánh những thách thức kinh tế vĩ mô, tác động của đại dịch COVID-19 và khả năng phục hồi của các doanh nghiệp sau khủng hoảng. Việc theo dõi sự thay đổi trong nguồn vốn không chỉ giúp đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp mà còn cung cấp thông tin quan trọng về mức độ hỗ trợ từ chính sách và chiến lược tài chính của từng nhóm doanh nghiệp.

3.2.5. Về biến động doanh thu của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, doanh thu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua nhiều biến động

do tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và đặc biệt là ảnh hưởng sâu rộng của đại dịch COVID-19. Sự thay đổi trong doanh thu không chỉ phản ánh hiệu suất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn cho thấy mức độ thích ứng và phục hồi của từng nhóm doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường nhiều thách thức.

3.2.6. Về lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2023, lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phản ánh sự khác biệt rõ rệt về tình hình tài chính giữa các nhóm doanh nghiệp. Sự biến động này không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô, mà còn phản ánh mức độ thích ứng và khả năng quản lý tài chính của từng nhóm doanh nghiệp trước các thách thức và cơ hội trên thị trường.

3.3. Thực trạng quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Xây dựng thể chế, chính sách pháp luật trong quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.3.2. Ban hành và thực hiện các chính sách đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định 02/2024/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập, có hiệu lực từ ngày 20/01/2024.

3.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý hành chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.3.4. Thực trạng thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa là hoạt động thực thi pháp luật và quản lý của các cơ quan chính phủ nhằm đảm bảo rằng các DNNVV tuân thủ các quy định pháp lý, chuẩn mực kinh doanh, và các yêu cầu về an toàn, chất lượng trong hoạt động kinh doanh của mình. Các hình thức kiểm soát này có thể bao gồm thanh tra và kiểm tra: Thực

hiện định kỳ hoặc đột xuất để kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật bởi các DNNVV. Các cuộc thanh tra này có thể được tiến hành theo kế hoạch hoặc trên cơ sở các báo cáo về những vấn đề cụ thể.

3.4. Đánh giá thực trạng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.4.1. Kết quả đạt được

3.4.2. Hạn chế

3.4.3. Nguyên nhân hạn chế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, NCS đã cung cấp một đánh giá toàn diện về thực trạng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Thành phố Hồ Chí Minh, đi từ việc nghiên cứu các chính sách hỗ trợ đến các thách thức mà các doanh nghiệp này đang phải đối mặt. NCS đã phân tích kỹ lưỡng môi trường pháp lý và các chính sách hiện hành, làm rõ các biện pháp hỗ trợ đã và đang được triển khai để giảm thiểu thủ tục hành chính và thúc đẩy việc thực thi các chính sách mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của DNNVV. Các nỗ lực của nhà nước trong việc nâng cao cơ sở hạ tầng kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ cũng được nhấn mạnh, cho thấy những nỗ lực nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, NCS cũng đi sâu vào việc phân tích chi tiết hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng, cũng như tuyển dụng và giữ chân nhân tài. Điều này đảm bảo rằng các doanh nghiệp có nguồn lực chất lượng cao cần thiết để phát triển bền vững. Từ những phân tích này, tác giả kết luận rằng mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc hỗ trợ DNNVV, vẫn còn tồn tại một số hạn chế và thách thức như cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính phức tạp, tổ chức bộ máy, thiếu hỗ trợ tài chính, và thiếu các biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng và các hoạt động thanh tra, kiểm soát. Để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn và hỗ trợ hiệu quả hơn cho sự phát triển của DNNVV tại Thành phố Hồ Chí Minh, những hạn chế này cần được giải quyết một cách quyết liệt

bằng một số giải pháp mà NCS sẽ đề xuất tại chương tiếp theo của luận án.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

4.1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1. Quan điểm của Đảng về phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh

Quan điểm của thành Ủy thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết 87/NQ-CP (Chương trình hành động của Chính phủ) về việc thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TPHCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

4.1.2. Mục tiêu phát triển của thành phố Hồ Chí Minh

Mục tiêu chung: đến năm 2030 thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số; trung tâm kinh tế, tài chính; thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8%-8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người khoảng 14.500 USD; kinh tế số đóng góp 40% vào GRDP.

4.1.3. Mục tiêu quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

4.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

4.2.1. Thể chế hoá các qui định, chính sách pháp luật trong quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho DN NVV tại TP. HCM, cần thiết phải cải thiện thể chế hoá các qui định, chính sách quản lý, nhất là trong lĩnh vực pháp lý. Kết quả phân tích chuyên sâu đã chỉ ra rằng nhân tố hỗ trợ pháp lý có tác động tích cực và có ý nghĩa đáng kể đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, với hệ số hồi quy là 0.203 và độ tin cậy 95% (p-value = 0.004). Điều này cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa một môi trường

pháp lý ổn định, minh bạch và hiệu quả kinh doanh của DNNVV.

4.2.2. Tổ chức thực hiện các chính sách quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tổ chức thực hiện các chính sách đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực doanh nghiệp này, góp phần tạo ra công ăn việc làm, tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Để đạt được hiệu quả, quá trình ban hành và thực thi chính sách cần được thực hiện một cách khoa học, đồng bộ và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh có thể tham khảo các bước và yếu tố chính trong việc ban hành và thực hiện các chính sách đối với DNNVV như sau:

4.2.3. Giải pháp về cải tiến bộ máy hành chính quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bộ máy quản lý hỗ trợ DNNVV bao gồm các cơ quan và chức năng được thiết kế để cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp trong phân khúc này. Mục đích chính là tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm bớt các rào cản hành chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua sự hỗ trợ tích cực.

4.2.4. Giải pháp về tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá

4.2.5. Nhóm giải pháp khác

4.3. Kiến nghị

4.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ

4.3.2. Đối với Thành phố Hồ Chí Minh

UBND Thành phố triển khai quán triệt Nghị quyết 41-NQ/TW về xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân thời kỳ mới, đồng thời tăng cường kiểm tra thực hiện các kết luận của Thủ tướng Chính phủ trong Hội nghị gặp gỡ giữa Thủ tướng, các Phó Thủ tướng và thành viên của Chính phủ với cộng đồng DN ngày 17/5/2017.

4.3.3. Đối với các Tổ chức, Hiệp Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tăng cường hỗ trợ về chính sách và pháp lý: Hiệp hội cần là cầu nối giữa DNNVV và các cơ quan nhà nước để phản ánh ý kiến, kiến nghị các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Đồng thời, cung cấp thông tin đầy đủ và cập nhật về các chính sách, quy định mới để doanh nghiệp có thể tuân thủ và tận dụng các hỗ trợ

từ chính phủ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Chương 4 trình bày chi tiết về các phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao quản lý nhà nước đối với DNNVV tại TP.HCM. Các phương hướng chính bao gồm cải thiện môi trường pháp lý và thủ tục hành chính, tăng cường hỗ trợ tài chính và huy động nguồn lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và đào tạo nhân lực, và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp.

Các giải pháp được đề xuất nhằm thực hiện các phương hướng này đã được chia thành sáu nhóm chính, bao gồm thể chế quản lý, cải tiến bộ máy quản lý, phát triển nguồn nhân lực trong quản lý, kinh phí quản lý tài chính công, tăng cường kiểm tra đánh giá, và các giải pháp khác liên quan đến đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Mỗi nhóm giải pháp đều tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu cụ thể của DNNVV, từ việc đơn giản hóa thủ tục hành chính đến cung cấp các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng kỹ thuật cho nhân viên.

Chương này không chỉ cung cấp cái nhìn toàn diện về các kế hoạch và chiến lược của thành phố trong việc hỗ trợ DNNVV mà còn phân tích các yếu tố cần thiết để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển bền vững và cạnh tranh của các doanh nghiệp trong khu vực. Điều này không chỉ giúp các doanh nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ mà còn đảm bảo rằng sự tăng trưởng đó diễn ra một cách có trách nhiệm và bền vững, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội chung của TP.HCM.

KẾT LUẬN

Quản lý Nhà nước đối với DNNVV trên địa bàn TP. HCM là một vấn đề nghiên cứu quan trọng do vai trò thiết yếu của DNNVV trong nền kinh tế địa phương và quốc gia. DNNVV không chỉ đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế hiện nay, DNNVV phải đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế về vốn, công nghệ, năng lực quản lý và thị trường tiêu thụ, điều này đòi hỏi một sự quản lý nhà nước hiệu quả và hỗ trợ kịp thời.

Hiện nay, khoảng trống nghiên cứu nằm ở việc thiếu các phân tích chi tiết và toàn diện về thực trạng quản lý nhà nước đối với DNNVV tại TP. HCM. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước về quản lý nhà nước đối với DNNVV, nhưng các nghiên cứu này chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của DNNVV tại một thành phố năng động như TP. HCM. Việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm cải thiện quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển DNNVV là cần thiết để đáp ứng các thách thức và yêu cầu thực tiễn.

Mục tiêu của luận án là nghiên cứu và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với DNNVV tại TP. HCM, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và hỗ trợ phát triển DNNVV. Để đạt được mục tiêu này, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, bao gồm phân tích tài liệu, phỏng vấn chuyên gia, khảo sát doanh nghiệp và phân tích dữ liệu thứ cấp.

Kết quả nghiên cứu chính cho thấy, mặc dù TP. HCM đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ DNNVV, nhưng hiệu quả thực hiện còn nhiều hạn chế. Các chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ, việc thực thi chính sách còn gặp nhiều khó khăn và chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Các yếu tố như môi trường pháp lý, hỗ trợ tài chính, cơ sở hạ tầng kinh doanh, hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và thị trường tiêu thụ đều có những điểm yếu cần cải thiện. Đặc biệt, TTHC vẫn còn phức tạp, gây khó khăn cho DNNVV

trong việc tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ và thực hiện hoạt động kinh doanh.

Những kết quả đạt được về quản lý nhà nước đối với DNNVV tại TP. HCM bao gồm bảo vệ và hỗ trợ doanh nghiệp, tạo lập quy định và chính sách, khuyến khích sáng tạo và đổi mới, hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, những hạn chế và thách thức đáng kể vẫn tồn tại, bao gồm thiếu hỗ trợ giúp doanh nghiệp giải quyết khó khăn về tài chính, thủ tục hành chính còn phức tạp, thiếu hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, thiếu hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nguồn nhân lực chất lượng, và thiếu sự hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế.

Nguyên nhân của những hạn chế này có thể xuất phát từ sự thiếu đồng bộ trong các chính sách hỗ trợ, sự phối hợp không chặt chẽ giữa các cơ quan QLNN, cũng như sự thiếu minh bạch và rõ ràng trong các quy định pháp lý. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt về tài chính và nguồn lực cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến DNNVV gặp khó khăn trong việc phát triển và cạnh tranh.

Nghiên cứu này mang ý nghĩa quan trọng khi đưa ra các phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm cải thiện quản lý nhà nước đối với DNNVV tại TP. HCM. Các giải pháp bao gồm cải thiện môi trường pháp lý và thủ tục hành chính, tăng cường hỗ trợ tài chính và huy động nguồn lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và đào tạo nhân lực, và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp. Những giải pháp này không chỉ mang tính khả thi mà còn có thể áp dụng rộng rãi nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ DNNVV phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC